

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09-6- 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Phụng.
2. Ông Nguyễn Phúc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn G, sinh năm 1984; địa chỉ: số 231, TT. L, huyện L, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1988; địa chỉ: số 231, TT. L, huyện L, tỉnh Đ.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Trần Văn G trình bày:

1. Về hôn nhân: Vào năm 2007, anh G và chị D quen biết nhau và sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không tổ chức đám cưới. Đến năm 2008, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86, quyền số 01/2008 vào ngày 11/10/2008 trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó càng về sau thì càng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Đến nay tình cảm của vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh G yêu cầu được ly hôn với chị D. Anh G khẳng định vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống chứ anh G không có người phụ nữ khác ở bên ngoài theo như chị D trình bày.

2. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống có 04 con chung tên Trần Nguyễn Minh Th, sinh ngày 01/9/2008, Trần Nguyễn Song Nh, sinh ngày 04/7/2010, Trần Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 18/02/2019 và Trần Quốc B, sinh ngày 27/10/2020. Nay ly hôn anh G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Nguyễn Minh Th, sinh ngày 01/9/2008 và Trần Nguyễn Song Nh, sinh ngày 04/7/2010. Đồng ý giao 02 con chung tên Trần Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 18/02/2019 và Trần Quốc B, sinh ngày 27/10/2020. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do chị D yêu cầu giao cả 04 con chung cho anh G được trực tiếp nuôi dưỡng nên anh G đồng ý nuôi dưỡng 04 con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết;

4. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày tại biên bản lấy lời khai như sau:*
Chị D và anh G đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn lập Vò vào ngày 11/10/2008 trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống chung với hạnh phúc và sinh được 04 con chung gồm: Trần Nguyễn Minh Th, sinh ngày 01/9/2008, Trần Nguyễn Song Nh, sinh ngày 04/7/2010, Trần Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 18/02/2019 và Trần Quốc B, sinh ngày 27/10/2020. Tuy nhiên, từ đầu năm 2020 do anh G có người phụ nữ khác ở bên ngoài nên không quan tâm đến vợ con. Nay chị D cũng không còn tình cảm với anh G nhưng muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi con. Nhưng nếu anh G nhất quyết yêu cầu ly hôn thì chị D đồng ý theo như yêu cầu của anh G nhưng yêu cầu anh G phải nuôi dưỡng cả 04 con chung, vì chị D không đủ điều kiện để nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng để nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn đã được

toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án cũng đã triệu tập bị đơn hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Anh Trần Văn G và chị Nguyễn Thị D đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn Lấp Vò cấp giấy chứng nhận kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân giữa anh G và chị D là hợp pháp. Trong thời gian chung sống anh G và chị D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó, có căn cứ xác định hôn nhân giữa anh G và chị D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn G.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao 04 con chung cho anh G được trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh G không có yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn G yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị D và đồng ý nuôi dưỡng 04 con chung, ngoài ra không có yêu cầu gì khác nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn chị Nguyễn Thị D có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Toà án đã triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Thị D đến phiên tòa lần thứ hai nhưng chị D vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Nguyễn Thị D.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Trần Văn G và chị Nguyễn Thị D sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86, quyển số 01/2008 ngày 11/10/2008 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn

nhân giữa anh G và chị Dung là hợp pháp. Anh G trình bày vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ đầu năm 2020, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người đó sống. Xét thấy, tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh G yêu cầu được ly hôn với chị Dung.

Tại biên bản lấy lời khai, chị D thừa nhận hiện nay chị D không còn tình cảm với anh G nhưng nếu anh G đồng ý nuôi dưỡng cả 04 con chung và chị D không phải cấp dưỡng nuôi con thì chị D mới đồng ý ly hôn với anh G. Như vậy, chứng tỏ chị D cũng không mong muốn vợ chồng đoàn tụ Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh G và chị Dung đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn G đối với chị Nguyễn Thị D.

[2.2] Về con chung: Anh Trần Văn G và chị Nguyễn Thị D đều thừa nhận anh chị có 04 con chung tên Trần Nguyễn Minh Th sinh ngày 01/9/2008, Trần Nguyễn Song Nh, sinh ngày 04/7/2010, Trần Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 18/02/2019 và Trần Quốc B, sinh ngày 27/10/2020. Tại phiên Toà anh G đồng ý nuôi dưỡng cả 04 con chung không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai chị D yêu cầu giao 04 con chung cho anh G được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy: Cháu Trần Nguyễn Song Nh, Trần Nguyễn Minh Th trên 07 tuổi có nguyện vọng được sống với anh G. Còn cháu Trần Quốc B, sinh ngày 27/10/2020 đến ngày xét xử hôm nay là chưa đủ 36 tháng tuổi. Tuy nhiên, chị D cho rằng không đủ điều kiện để nuôi con do đó chị D giao 04 con chung cho anh G nuôi. Như vậy, anh G và chị D đã thoả thuận giao con cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng phù hợp với các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh G không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh G và chị D thống nhất không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn G phải chịu án phí sơ là 300.000đ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Xét lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 và khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho anh Trần Văn G được ly hôn với chị Nguyễn Thị D.

2. Về con chung: Giao 04 con chung tên Trần Nguyễn Minh Th, sinh ngày 01/9/2008, Trần Nguyễn Song Nh, sinh ngày 04/7/2010, Trần Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 18/02/2019 và Trần Quốc B, sinh ngày 27/10/2020 cho anh Trần Văn G được trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, anh Trần Văn G cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở và chị Nguyễn Thị D không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con của anh Trần Văn G.

3 Về cấp dưỡng nuôi: Không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Văn G phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh G đã nộp theo biên lai số 0002239 ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

7. Anh Trần Văn G được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị D được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; (CNKH 86/2008)
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội